

だい12か あんぜん7 きかいそうさ

## 第12課 安全7 機械操作

### An toàn 7 Thao tác máy móc

#### ■目標■

機械を使う際の注意点について質問できる。

Có thể hỏi về những điểm lưu ý khi sử dụng máy móc.

作業中に生じる危険を聞いて、理解できる。

Có thể hỏi và hiểu về những mối nguy hiểm phát sinh trong lúc làm việc.

説明を聞いたあと、自分の理解が正しいか、確認できる。

Sau khi nghe giải thích, có thể kiểm tra xem bản thân hiểu đúng hay không.

## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■会話 I ■

アリフさんは船上で機械についての説明を聞いています。

この きかいで ロープを まきあげる。  
鈴木 この 機械で ロープを 巻き揚げる。

つかう とき、なにに きを つけますか。  
アリフ 使う とき、何に 気を つけますか。

そうだな。  
鈴木 そうだな。

うごいて いる とき、ちかづかない ほうが いいよ。  
動いて いる とき、近づかない ほうが いいよ。  
ロープに あたって、けがをするから。  
ロープに 当たって、けがをするから。

わかりました。  
アリフ わかりました。



## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■会話 | ■

Anh Arif đang nghe giải thích về máy móc trên tàu.

Suzuki Cuốn dây thừng lên bằng máy này.

Arif Khi sử dụng, phải lưu ý điều gì ạ?

Suzuki Ủ nhỉ.

Khi máy đang chạy thì không nên đèn giàn.

Vì có thể va vào dây thừng và bị thương.

Arif Tôi hiểu rồi ạ.

## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■会話2■

アリフさんはカキの運搬用コンベアの使い方を聞いています。

- この きかいで カキを さぎょうばに はこぶ。  
鈴木 この 機械で カキを 作業場に 運ぶ。
- すいっちは ここね。  
スイッチは ここね。
- なにか あぶない ことは ありますか。  
アリフ なにか 危ない ことは ありますか。
- かいてんぶに くずが よく 詰まるよ。  
鈴木 回転部に くずが よく 詰まるよ。
- きかいを とめてから、とってね。  
機械を 止めてから、取ってね。
- わかりました。
- アリフ わかりました。
- きかいを とめてから、くずを とります。  
機械を 止めてから、くずを 取ります。



## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■会話2■

Anh Arif đang nghe giải thích về cách sử dụng băng chuyền dùng để vận chuyển hàng.

Suzuki      Vận chuyển hàng đến nơi làm việc bằng máy này.

Công tắc ở đây nhé.

Arif      Có điều gì nguy hiểm không ạ?

Suzuki      Vụn rác rất hay tắc nghẽn tại bộ phận quay đây.

Hãy dừng máy rồi moi lấy nhé.

Arif      Tôi hiểu rồi ạ.

Tôi sẽ dừng máy rồi moi lấy vụn rác.

## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■会話3■

アリフさんは脱貝機を見ています。

ここに ロープを かけて、すいっちを いれる。

鈴木 ここに ロープを かけて、スイッチを 入れる。

ロープから カキが はずれて、したに 落ちる。

ロープから カキが 外れて、下に 落ちる。

したで センジョウする。わかった?

下で 洗浄する。わかった?

えーっと…

アリフ えーっと…

すいっちを いれてから、ロープを かけます。

スイッチを 入れてから、ロープを かけます。

ちがうよ。

鈴木 違うよ。

ロープ、すいっちの じゅんだよ!

ロープ、スイッチの 順だよ!

ロープ、すいっち、ですね。

アリフ ロープ、スイッチ、ですね。

うん。

鈴木 うん。



## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■会話3■

Anh Arif đang xem máy gõ hàu.

Suzuki      Treo dây thừng lên dây rồi bật công tắc.

Hàu sẽ tuột ra khỏi dây thừng và rơi xuống dưới.

Chúng ta sẽ rửa ở phía dưới. Em hiểu chưa?

Arif      Dạ...

Bật công tắc rồi treo dây thừng.

Suzuki      Không phải đâu.

Thứ tự là dây thừng, công tắc mà!

Arif      Dây thừng, công tắc nhỉ.

Suzuki      Ủ.

安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

■ことば■

	ことば	よ 読み
1	ロープ	ろーぷ
2	巻き揚げる	まきあげる
3	気をつける	きをつける
4	動く	うごく
5	近づく	ちかづく
6	当たる	あたる
7	けがをする	けがをする
8	カキ	かき
9	作業場	さぎょうば
10	回転部	かいてんぶ
11	くずが詰まる	くずがつまる
12	止める	とめる
13	くずを取る	くずをとる
14	ロープをかける	ろーぷをかける
15	スイッチを入れる	すいっちをいれる
16	外れる	はずれる
17	落ちる	おちる
18	洗浄(する)	せんじょう(する)
19	網	あみ
20	引っ張る	ひっぱる
21	裾	すそ
22	締める	しめる
23	魚を獲る	さかなをとる
24	漁港	ぎょこう
25	箱詰め	はこづめ
26		
27		
28		
29		
30		

## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■ことば■

	意味 いみ
1	Dây thừng
2	Cuốn lên
3	Lưu ý
4	Chạy
5	Đến gần
6	Va vào
7	Bị thương
8	Hàu
9	Noi làm việc
10	Bộ phận quay
11	Vụn rác tắc nghẽn.
12	Dừng
13	Lấy vụn rác
14	Treo dây thừng
15	Bật công tắc
16	Tuột ra
17	Rơi xuống
18	Rửa (động từ)
19	Lưới
20	Kéo
21	Mép
22	Buộc
23	Bắt cá
24	Cảng cá
25	Nhét vào thùng
26	
27	
28	
29	
30	

■応用練習■

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。

指導員にチェックしてもらいましょう。

★ ~ほうがいい

うごいて いる とき、ちかづかない ほうがいいよ。

動いて いる とき、近づかない ほうがいいよ。

そこに たたない ほうがいいです。

① そこに立たない ほうがいいです。

ゆっくり やった ほうがいいです。

② ゆっくり やった ほうがいいです。

あみをひっぱった ほうがいいですか。

③ 網を引っ張った ほうがいいですか。

④

⑤

★ ~てから、…

きかいをとめてから、くずを取ります。

機械を止めてから、くずを取ります。

あみのすそをしめてから、さかなをとります。

① 網の裾を締めてから、魚を獲ります。

あんぜんをかくにんしてから、すいっちはれます。

② 安全を確認してから、スイッチを入れます。

ぎょこうにかえってから、はこづめします。

③ 渔港に帰ってから、箱詰めします。

④

⑤

## 安全7 機械操作

An toàn 7 Thao tác máy móc

### ■おうようれんしゅう応用練習■

Hãy viết câu mà bạn dùng vào (4)(5).

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

#### ★ ~ほうがいい

Khi máy đang chạy thì không nên đến gần.

① Em không nên đứng chồm đó.

② Em nên làm từ từ.

③ Tôi nên kéo lưới phải không ạ?

④

⑤

#### ★ ~てから、…

Tôi sẽ dừng máy rồi mới lấy vùn rác.

① Tôi buộc mép lưới rồi bắt cá.

② Tôi kiểm tra an toàn rồi bật công tắc.

③ Sau khi vê cá, tôi sẽ nhét vào thùng.

④

⑤

## わたしの　かいわ

モデル会話を参考にして、会話を書きましょう。

指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.